

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số dư cuối Quý	
			Số dư cuối Quý	Số dư đầu Năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		75.933.932.522	69.940.568.960
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	15.930.377.088	17.115.171.795
Tiền	111		15.930.377.088	17.115.171.795
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		57.772.760.158	42.187.165.536
1. Phải thu khách hàng	131	VI.2	27.409.676.178	35.918.176.178
2. Trả trước cho người bán	132	VI.3	24.358.095.147	264.000.525
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn (tạm ứng)	133		6.000.000.000	6.000.000.000
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
3. Các khoản phải thu khác	135	VI.4	4.988.833	4.988.833
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	-	-
IV. Hàng tồn kho	140		1.571.042.300	9.988.769.579
Hàng tồn kho	141	VI.5	1.571.042.300	9.988.769.579
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		659.752.976	649.462.050
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.4	-	-
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		659.752.976	649.462.050
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	VI.5	-	-
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	VI.6	-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		246.502.150.042	246.636.328.321
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.15	-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212	V.16	-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.17	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.18	-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.19	-	-
II. Tài sản cố định	220		8.842.209.741	8.977.411.915
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.7	5.106.787.569	5.241.989.743
Nguyên giá	222		6.107.222.425	6.142.348.789
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.000.434.856)	(900.359.046)



CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2014

2. Tài sản cố định thuế tài chính	224	-	-
<i>Nguyên giá</i>	225	-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226	-	-
2. Tài sản cố định vô hình	227	VI.8	-
<i>Nguyên giá</i>	228	-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229	-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	VI.8	3.735.422.172
III. Bất động sản đầu tư	240		-
<i>Nguyên giá</i>	241		-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		237.500.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	VI.9	237.500.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258	VI.10	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.28	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		159.940.301
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.023.895
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		70.622.180
3. Tài sản dài hạn khác	268	VI.11	88.294.226
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		322.436.082.564

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THÍNH
Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết	Số dư cuối Quý	Số dư đầu Quý
A - NỢ PHẢI TRẢ					
I. Nợ ngắn hạn					
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V1.10	25.000.000.000	10.000.000.000
1.	Phải trả người bán	312	V1.12	41.127.996.634	66.998.882.012
2.	Người mua trả tiền trước	313		16.703.000.000	-
2.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V1.13	4.434.986.338	4.634.818.673
4.	Phải trả người lao động	315	V1.13	-	-
5.	Chi phí phải trả	316	V1.14	-	-
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
3.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		-	-
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
5.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.724.601.830	1.783.201.830
II. Nợ dài hạn					
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333	V.44	-	-
1.	Vay và nợ dài hạn	334	V1.16	-	-
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V1.15	-	-
2.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
7.	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
7.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	V.48	-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU					
I. Vốn chủ sở hữu					
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		216.000.000.000	216.000.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
2.	Quỹ đầu tư phát triển	417		13.332.982.284	13.332.982.284
3.	Quỹ dự phòng tài chính	418		2.091.458.960	2.091.458.960
8.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
4.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.021.056.518	1.735.553.522
10.	Nguyên vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
10.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác					
2.	Nguyên kinh phí	432	V.51	-	-

Báo cáo này được kiểm soát bởi Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2014

3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433	V.52	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		322.436.082.564	316.576.897.281

CÁC CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư cuối Quý		Số dư đầu Quý	
1. Tài sản thuê ngoài					
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công vật tư					
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gởi, ký cược					
Nợ khó đòi đã xử lý					
Ngoại tệ các loại					
- Dollar Mỹ (USD)					
- Euro (EUR)					
- Dollar Singapore (SGD)					
- Yên Nhật (JPY)					
- Dollar Úc (AUD)					
- Bảng Anh (GBP)					
- Dollar Canada (CAD)					
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự toán	V.55				

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2014

Kế toán trưởng

TRẦN THỊ THU HOÀI

Tổng Giám đốc



TỔNG GIÁM ĐỐC
Thái Bá Hiến

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74P3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND		Đơn vị tính: VND	
			Quý I/2014	Quý I/2013	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý I/2014	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý I/2013
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		9.788.500.000	10.111.892.749	9.788.500.000	10.111.892.749
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VII.1	9.788.500.000	10.111.892.749	9.788.500.000	10.111.892.749
4 Giá vốn hàng bán	11	VII.2	8.630.750.000	9.350.326.252	8.630.750.000	9.350.326.252
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.157.750.000	761.566.497	1.157.750.000	761.566.497
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	45.252	50.060	45.252	50.060
7 Chi phí tài chính	22		525.000.000	-	525.000.000	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		525.000.000	-	525.000.000	-
8 Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.4	247.124.591	284.158.707	247.124.591	284.158.707
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		385.670.661	477.457.850	385.670.661	477.457.850
11 Thu nhập khác	31		-	-	-	-
12 Chi phí khác	32	VII.5	-	13.776.979	-	13.776.979
13 Lợi nhuận khác	40		-	(13.776.979)	-	(13.776.979)

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2014

14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	385.670.661	463.680.871	-	385.670.661	463.680.871
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	100.167.665	126.314.615	-	100.167.665	126.314.615
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-	-	-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	285.502.996	337.366.256	285.502.996	285.502.996	337.366.256

Kế toán trưởng

TRẦN THỊ THU HOÀI



TỔNG GIÁM ĐỐC
Thái Bá Hiền

BẢO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 QUÝ I NĂM 2014

Đơn vị tính: VND
 Lấy kể từ đầu năm
 đến cuối Quý này
 (Năm trước)
 Quý này (Năm nay)
 Mã số thuế
 và số
 minh

Chi tiêu	Thủy	ết	Ma
	Thủy	ết	Ma
01 Lợi nhuận trước thuế	385.670.661		499.524.893
Điều chỉnh cho các khoản	-	-	-
02 Khấu hao TSCD	134.178.279		136.059.643
05 Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	(45.252)		(50.060)
08 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLD	519.803.688		635.534.476
09 Tăng giảm các khoản phải thu	15.595.885.548		7.011.909.520
10 Tăng giảm hàng tồn kho	(8.417.727.279)		1.652.050.027
11 Tăng giảm các khoản phải trả	5.573.682.287		7.601.661.240
13 Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(300.000.000)		(257.335.667)
15 Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	-		-
16 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(14.156.484.203)		(17.724.967.402)
20 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(1.184.839.959)		(1.081.147.806)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	-		-
21 Tiền chi để mua sắm XĐ, TSCD và các TSDH khác	-		-
24 Tiền thu hồi cho vay, bán lại cho các công cụ nợ của DV khác	-		-
25 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-		-
27 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	45.252		50.060
30 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	45.252		50.060
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG TẠI CHÍNH	-		-
31 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	-		-
40 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	-		-
50 Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(1.184.794.707)		(1.081.097.746)
60 Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	17.115.171.795		11.622.636.220
70 Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	15.930.377.088		10.541.538.474

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2014

Tổng Giám đốc



TỔNG GIÁM ĐỐC
 Thái Bá Thiên

Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hoài

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2014

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần Luyện kim Phú Thịnh là Công ty Cổ phần được Sờ kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102739992, thay đổi lần thứ 9 ngày 24/8/2012.

Vốn điều lệ của Công ty là 216.000.000.000 đồng được chia làm 21.600.000 cổ phần mệnh giá mỗi cổ phần 10.000 đồng.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản bao gồm: Đầu tư, xây dựng khu đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư tập trung, tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; Đầu tư cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng; Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê, thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để cho thuê lại.
- Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh
- Vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng ô tô
- Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi và công nghiệp
- Lập các dự án và đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến khoáng sản và luyện kim
- Mua bán khoáng sản, các thiết bị máy móc khai khoáng, chế biến khoáng sản và luyện kim
- Khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản và luyện kim.

Công ty có trụ sở chính và các chi nhánh tại các địa điểm sau:

Trụ sở/ Chi nhánh

Địa điểm

Trụ sở chính

Số 74F3, KHU đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Công ty con

Công ty TNHH Một thành viên Khoáng sản và luyện kim Thăng Long-Nghệ An

* Địa chỉ: Số 20, Nguyễn Thái Học, phường Đội Cung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KÊ TOÁN

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2. Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ; tiền gửi ngân hàng; các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá vốn của hàng tồn kho được xác

định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định hữu hình không tương tự hoặc tài sản khác được xác định theo giá trị hợp lý của tài sản cố định hữu hình nhận về, hoặc giá trị hợp lý của tài sản đem trao đổi, sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu về. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định hữu hình tương tự, hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự được tính bằng giá trị còn lại của tài sản cố định đem trao đổi.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được tài trợ, được biếu tặng, được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý ban đầu hoặc giá trị danh nghĩa và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Tài sản cố định khác	10
Máy móc, thiết bị	03 – 04
Thiết bị văn phòng	03

5. Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua riêng biệt bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau thì được tính vào nguyên giá tài sản cố định vô hình: (i) Chi phí này có khả năng làm cho tài sản cố định vô hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu; (ii) Chi phí được đánh giá một cách chắc chắn và gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể.

6. Các khoản đầu tư tài chính***Đầu tư vào các công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

Đầu tư vào liên doanh

Phần vốn góp của Công ty trong cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Phần vốn góp của Công ty trong các hoạt động kinh doanh được đồng kiểm soát được ghi nhận trong báo cáo tài chính bằng cách hạch toán: (i) Tài sản do Công ty kiểm soát và các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu; (ii) Chi phí phải gánh chịu và doanh thu được chia từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.

Phần vốn góp của Công ty trong các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức liên doanh tài sản được đồng kiểm soát được ghi nhận trong các báo cáo tài chính bằng cách hạch toán: (i) Phần vốn góp vào tài sản được đồng kiểm soát, được phân loại theo tính chất của tài sản; (ii) Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của Công ty; (iii) Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác; (iv) Các khoản thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh; (v) Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn, Công ty trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ, trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

9. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

10. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: (i) Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; (ii) Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và (iii) Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi, lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

12. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; (ii) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; (iii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (iv) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và (v) Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng có thể xác định được.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (ii) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (iii) Phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán có thể xác định được; và (iv) Chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó có thể xác định được.

Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của Công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau: (i) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và (ii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

13. Thuế***Thuế thu nhập hiện hành***

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại (nếu có) được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(Đơn vị tính: VND)

1.	Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Tiền mặt	15.898.704.984	17.101.478.068
	Tiền gửi ngân hàng	31.672.104	13.693.727
	Các khoản tương đương tiền	-	-
	Cộng	15.930.377.088	17.115.171.795
2.	Phải thu khách hàng	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	TCT CP Tập đoàn tre gỗ Việt Nam	16.749.408.122	16.749.408.122
	Công ty CP Luyện kim Đồng Bắc	8.317.590.616	8.317.590.616
	Doanh nghiệp TN Hoàng Mạnh	2.342.677.440	2.342.677.440
	Các khách hàng khác		8.508.500.000
	Cộng	27.409.676.178	35.918.176.178
3.	Trả trước cho người bán	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Điện lực Nghĩa Lộ	525	525
	Công ty Cổ phần thông tin và định giá Việt Nam		100.000.000
	Công ty TNHH Đại Đồng Tiến	9.000.000	9.000.000
	Công ty TNHH Kiểm toán Đông Á	143.000.000	80.000.000
	Công ty CP Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương	75.000.000	75.000.000
	Công ty Bảo hiểm BIDV Tây Bắc	1.980.000	
	Cộng	307.916.925	284.000.525

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất

Số 74/F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/03/2014

Mẫu số B 09 - DN/HN

4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

Số cuối kỳ	Số đầu năm
4.988.833	4.988.833
4.988.833	4.988.833

5. Hàng tồn kho

Số cuối kỳ	Số đầu năm
376.870.923	400.844.923
223.623.679	8.854.373.679
23.974.000	733.550.977
946.573.698	
1.571.042.300	9.988.769.579

6. Tài sản ngắn hạn khác

Số cuối kỳ	Số đầu năm
6.000.000.000	6.000.000.000
6.000.000.000	6.000.000.000

Tài sản ngắn hạn khác

Cộng	Cộng
Tạm ứng	Tạm ứng
Cộng	Cộng

22/

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN /HN

7. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Tài sản cố định khác (*)	Máy móc, thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu kỳ	5.867.131.150			-	5.867.131.150
Mua trong kỳ				-	
Đầu tư XDCB hoàn thành				-	
Số dư cuối kỳ	5.867.131.150			-	5.867.131.150
GIÁ TRỊ HẠO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu kỳ	626.165.302				626.165.302
Khấu hao trong kỳ	134.178.279				134.178.279
Số dư cuối kỳ	760.343.581				760.343.581
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu kỳ	5.240.965.848			-	5.240.965.848
Tại ngày cuối kỳ	5.106.787.569			-	5.106.787.569

(*) Tài sản cố định khác là đường bê tông vào mỏ Eo dòng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí đền bù	445.892.727	445.892.727
Trạm biến áp	222.727.273	222.727.273
Xây dựng cơ bản dở dang tại Nghệ An	3.399.640.892	3.399.640.892
Cộng	4.068.260.892	4.068.260.892

9. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Chì Kẽm Yên Bái (*)	167.500.000.000	167.500.000.000
Công ty TNHH MTV XNK Yên Bái Lào Cai (**)	70.000.000.000	70.000.000.000
Cộng	237.500.000.000	237.500.000.000

Khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh là các khoản đầu tư hợp tác sản xuất kinh doanh, bao gồm:

(*) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2012/HĐKD ngày 05/03/2012: Hợp tác kinh doanh để sản xuất ra sản phẩm Chì Kẽm tại 2 mỏ Chì Kẽm tại xã Cẩm Nhân, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái. Giá trị mỗi bên 200.000.000.000 đồng. Thời hạn hợp đồng là 5 năm kể từ ngày 5/3/2012 đến 5/3/2017.

(**) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02/2012/HĐKD ngày 15/6/2012: Hợp tác liên kết kinh doanh mặt hàng khoáng sản: quặng, thiếc, chì, kẽm, đá thạch anh...Giá trị mỗi bên 100.000.000.000 đồng. Thời hạn hợp đồng là 5 năm kể từ ngày 15/6/2012 đến 15/6/2017.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

10. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thép Cao Bắc	436.839.523	436.839.523
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Bắc Á	36.710.975.025	36.710.975.025
Công ty Cổ phần An Hồng Phương	3.457.356.989	3.457.356.989
Công ty CP Đầu tư khoáng sản Tây Bắc		12.170.885.378
Công ty Cổ phần khoáng sản Na ri Hamico	22.825.097	13.722.825.097
Điện lực Nghĩa Lộ (Công ty Điện lực Yên Bái)		
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng XNK Thăng Long	500.000.000	500.000.000
Cộng	41.127.996.634	66.998.882.012

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.429.997.505	4.629.829.840
Thuế thu nhập cá nhân	4.988.833	4.988.833
Cộng	4.434.986.338	4.634.818.673

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.
CHITICN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

12. Vốn chủ sở hữu**12.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
KỶ NÀY					
Tại ngày 01/01/2014	216.000.000.000	13.332.982.284	2.091.458.960	1.735.553.522	233.159.994.766
Tăng do trích lập các quỹ					
Lãi trong kỳ				285.502.996	285.502.996
Tăng do hợp nhất					
Giảm do phân phối lợi nhuận					
Lỗi trong năm					
Giảm khác					
Tại ngày 31/03/2014	216.000.000.000	13.332.982.284	2.091.458.960	2.021.056.518	2.021.056.518

BẢN QUYẾT MINH BẢO CAO TẠI CHÍNH HỘ NHẬT

12.2. Cổ phiếu

Số đầu năm

Số cuối kỳ

Cổ phiếu

Cổ phiếu

21.600.000

21.600.000

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành

21.600.000

21.600.000

Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng

21.600.000

21.600.000

Cổ phiếu phổ thông

21.600.000

21.600.000

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

21.600.000

21.600.000

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu ưu đãi

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

12.3. Các quỹ của doanh nghiệp

Số đầu năm

Số cuối kỳ

13.332.982,284

13.332.982,284

Quỹ đầu tư phát triển

2.091.458,960

2.091.458,960

Quỹ dự phòng tài chính

VI. TIỀN BÒ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỨC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT

QUA HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỘ NHẬT

(Đơn vị tính: VND)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Quý 1/2013

Quý 1/2014

Doanh thu

10.111.892,749

9.788.500,000

Doanh thu bán hàng

-

-

Doanh thu cung cấp dịch vụ

-

-

Thuế xuất khẩu

10.111.892,749

9.788.500,000

Doanh thu thuần

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội,
CHXHCN Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**2. Giá vốn hàng bán**

	Quý 1/2014	Quý 1/2013
Giá vốn bán hàng	8.630.750.000	9.350.326.252
Cộng	8.630.750.000	9.350.326.252

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi	45.252	50.060
Cộng	45.252	50.060

4. Chi phí khác

Tiền phạt		
Các khoản phí khác		13.776.979
Cộng		13.776.979

5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

	Quý 1/2014
Lợi nhuận trước thuế	
- Lợi nhuận của Công ty Mẹ	400.670.661
- Lợi nhuận của Công ty Con	(15.000.000)
Điều chỉnh tăng	
Điều chỉnh giảm	-
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	
- Của Công ty Mẹ	400.670.661
- Của Công ty Con	(15.000.000)
Thuế suất áp dụng	25%
Thuế TNDN Công ty Mẹ	100.167.665
Thuế TNDN Công ty Con	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	100.167.665

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội,
CHXHCN Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	300.502.996
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)	21.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	13,9

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

(Đơn vị tính: VND)

1. Thông tin về các bên liên quan

2. Các khoản công nợ tiềm tàng

Công ty không phát sinh khoản công nợ tiềm tàng nào đến thời điểm ngày 31/12/2013.

3. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần trình bày trên Báo cáo tài chính.

4. Công cụ tài chính

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), có hiệu lực đối với các Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi. Tuy nhiên, Thông tư 210 không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực kế toán quốc tế và Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các loại công cụ tài chính:

Đơn vị tính: VND

Giá trị ghi số

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
--	---------	--------

Tài sản tài chính

Tiền và các khoản tương đương tiền 15.898.704.984 17.115.171.795

Phải thu khách hàng và phải thu khác 51.772.760.158 36.187.165.536

Đầu tư ngắn hạn Đầu tư dài hạn 237.500.000.000 237.500.000.000

Tài sản tài chính khác

Công 305.171.465.142 290.802.337.331

Nợ phải trả tài chính

Các khoản vay - -

Phải trả người bán và phải trả khác 88.990.584.802 83.416.902.515

Chi phí phải trả - -

Công 88.990.584.802 83.416.902.515

Quản lý rủi ro vốn:

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông/chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (huần) bao gồm các khoản vay từ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông/chủ sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Quản lý rủi ro tài chính:

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro tài chính do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất:

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội,
CHXHCN Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu và các phân tích dự báo thị trường.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đảo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phát sinh và tài sản tài chính phi phát sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

Kh khoản mục	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng
NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH			
Số dư cuối kỳ	-	-	-
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	88.990.584.802	-	88.990.584.802
Chi phí phải trả	-	-	-
Cộng			
Số dư đầu kỳ	-	-	-
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	83.416.902.515	-	83.416.902.515
Chi phí phải trả	-	-	-
Cộng			
83.516.902.515	-	-	83.516.902.515
TÀI SẢN TÀI CHÍNH			
Số dư cuối kỳ	17.115.171.795	-	17.115.171.795
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.115.171.795	-	17.115.171.795
Phải thu khách hàng và phải thu khác	36.187.165.536	-	36.187.165.536
Dầu từ ngắn hạn	-	-	-
Dầu từ dài hạn	-	237.500.000.000	237.500.000.000
Tài sản tài chính khác	-	-	-
Cộng			
53.302.337.331	237.500.000.000	-	290.802.337.331
Số dư đầu kỳ	15.898.704.984	-	15.898.704.984
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.898.704.984	-	15.898.704.984
Phải thu khách hàng và phải thu khác	51.772.760.158	-	51.772.760.158
Dầu từ ngắn hạn	-	-	-
Dầu từ dài hạn	-	237.500.000.000	237.500.000.000
Tài sản tài chính khác	-	-	-
Cộng			
67.671.465.142	237.500.000.000	0	305.171.465.142

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

5. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2013 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Đông Á và Báo cáo Quý 1/2013 được lập. Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/03/2013 được Công ty lập theo phương pháp trực tiếp. Tài Báo cáo tài chính này Quý 1.2014, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/03/2014 được lập theo phương pháp gián tiếp để phục vụ mục đích so sánh.

- Kết quả Lợi nhuận sau thuế Quý 1 năm 2014 so với Quý 1 năm 2013
So sánh kết quả kinh doanh Quý 1 năm 2014 so với Quý 1 năm 2013 thấy: kết quả lợi nhuận sau thuế Quý 1 năm 2014 giảm 51.863.260đ so với Quý 1 năm 2013:
Doanh thu Quý 1 năm 2013 cao hơn Doanh thu đạt được Quý 1 năm 2014 nên đạt mức lợi nhuận cao hơn. Đơn vị sẽ cố gắng đẩy mạnh cơ cấu bán hàng, cải tiến phương pháp kinh doanh, đẩy mạnh đầu tư phát triển ngành nghề chính (khảo sát, luyện kim) của Công ty phát triển nhằm tạo chỗ đứng trên thị trường bền vững và ổn định trong năm tới.

Ngày 31 tháng 03 năm 2014



Tổng Giám đốc



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Thị Thu Hoài

Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hoài